

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2026/DS-ST

Ngày: 14-5-2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hiệp;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Bảo Việt là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên
tòa:*** Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: khu phố N, phường N1, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp L, xã L1, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Phạm Thị Đ trình bày: Bà và bà G không có quan hệ họ hàng gì cả, chỉ quen biết với nhau. Bà có tham gia góp hụi do bà G làm chủ thảo. Bà tham gia 02 dây hụi:

Dây 1: hụi 2.000.000 đồng khai ngày 10/9/2024, gồm 18 phần. Bà tham gia 01 phần, hụi này bà đóng được 15 kỳ hụi sống tương đương số tiền 30.000.000 đồng (tính theo giá hụi chết);

Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 25/5/2025 DL, tháng khai 02 lần vào ngày 25 và 10 tây; bà tham gia 04 phần; bà hốt 03 phần, còn 01 phần

hội sống thành tiền 13.000.000 đồng; khấu trừ hội chết; bà còn nợ bà G số tiền 36.000.000 đồng hội chết tính đến ngày 10/12/2025. Do bà không ghi lại từng tháng đóng hội sống số tiền bao nhiêu nên bà không biết.

Còn bà G là chủ hội nên bà G có ghi sổ sách lại nên Tòa án căn cứ vào lời khai của bà G cơ sở tính theo giá hội sống.

Đến tháng 12/2025, bà G đề xuất thỏa thuận chấm dứt hội trước hạn không lý do. Khi thỏa thuận chấm dứt hội trước hạn thì không có thỏa thuận trả lại hội như thế nào nhưng theo bà phải tính hội sống theo giá hội chết vì bà G là người có lỗi trong quá trình giao dịch góp hội này. Trong thời gian góp hội, bà đóng hội chết và hội sống cho bà G đúng hạn, không vi phạm nghĩa vụ. Sau khi cần trừ hội sống và hội chết, bà G còn nợ lại bà số tiền là $(30.000.000 \text{ đồng} + 13.000.000) - 36.000.000 \text{ đồng} = 7.000.000 \text{ đồng}$. Do đó, bà yêu cầu bà G trả bà số tiền 7.000.000 đồng

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn – bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày: Bà Đ có tham gia 02 dây hội như trên. Nhưng tính theo hội sống thì bà Đ đã đóng cụ thể như sau:

Đối với dây hội 2.000.000 đồng khai 10/9/2024 và 10/10/2024 kêu 630.000 đồng; đóng 1.350.000 đồng; ngày 10/11/2024 kêu 600.000 đồng, đóng 1.400.000 đồng; ngày 10/12/2024 kêu 610.000 đồng, đóng 1.390.000 đồng, 10/01/2025 kêu 550.000 đồng, đóng 1.450.000 đồng; 10/02/2025 kêu 570.000 đồng, đóng 1.430.000 đồng; 10/3/2025 kêu 520.000 đồng, đóng 1.480.000 đồng; 10/04/2025 kêu 550.000 đồng, đóng 1.450.000 đồng; 10/5/2025 kêu 450.000 đồng, đóng 1.550.000 đồng; 10/6/2025 kêu 400.000 đồng, đóng 1.600.000 đồng; 10/7/2025 kêu 350.000 đồng, đóng 1.650.000 đồng; 10/8/2025 kêu 400.000 đồng, đóng 1.600.000 đồng; 10/9/2025 kêu 220.000 đồng, đóng 1.780.000 đồng; 10/10/2025 kêu 200.000 đồng, đóng 1.800.000 đồng; 10/11/25 kêu 500.000 đồng, đóng 1.500.000 đồng.

Bà Đ đóng được 15 kỳ thành tiền là 22.680.000 đồng

Đối với Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 25/5/2025 DL, tháng khai 02 lần vào ngày 25 và 10 tây: Ngày 25/5 kêu 350.000 đồng, đóng 650.000 đồng; ngày 10/6 kêu 330.000 đồng, đóng 670.000 đồng; ngày 25/6 kêu 320.000 đồng, đóng 680.000 đồng; ngày 10/7 kêu 350.000 đồng, đóng 650.000 đồng; ngày 25/7 kêu 300.000 đồng, đóng 700.000 đồng; ngày 10/8 kêu 300.000 đồng; đóng 700.000 đồng; ngày 25/8 kêu 280.000 đồng, đóng 720.000 đồng; ngày 10/9 kêu 250.000 đồng, đóng 750.000 đồng; ngày 25/9 kêu 260.000 đồng, đóng 740.000 đồng; ngày 10/10 kêu 280.000 đồng, đóng 720.000 đồng; ngày 25/10 kêu 220.000 đồng, đóng 780.000 đồng; ngày 10/11 kêu 160.000 đồng, đóng 840.000 đồng; ngày 25/11 kêu 150.000 đồng, đóng 850.000 đồng.

Bà Đ đóng được 13 kỳ hội sống thành tiền 9.950.000 đồng; nợ tôi 12 kỳ

hụi chết là 36.000.000 đồng

Do bà Đ tham gia góp hụi nhưng đăng hụi không đúng như thỏa thuận, nhiều lần đóng hụi trễ, bà điện thoại đòi tiền hụi thì bà Đ nói bận làm việc và tham gia hụi của bà phiền phức quá. Vì vậy, bà mới đề xuất chấm dứt hụi trước hạn với bà Đ. Không có thỏa thuận trả lại hụi như thế nào nhưng bà có nói bà Đ đóng bao nhiêu thì bà sẽ trả lại cho bà Đ bấy nhiêu. Đối với hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 10 hàng tháng thì ngày gom hụi sẽ là ngày 14 hàng tháng; hụi 1.000.000 đồng khai ngày 10 thì ngày 14 là ngày cuối đóng hụi; kêu ngày 25 thì ngày 29 là ngày cuối đóng hụi, nhưng bà Đ không có tháng nào đóng hụi đúng hạn;

Sau khi cần trừ hụi sống và hụi chết bà Đ còn nợ tôi: (22.680.000 đồng + 9.950.000 đồng) - 36.000.000 đồng = 3.370.000 đồng. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ; khấu trừ hụi sống và hụi chết, bà Đ còn nợ tôi 3.370.000 đồng. Tôi yêu cầu bà Đ trả lại tôi số tiền này.

Tại phiên tòa, bà G đồng ý trả lại cho bà Đ số tiền 29.000.000 đồng đối với dây hụi 2.000.000 đồng khai 10/9/2024; đối với dây hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 25/5/2025 DL; đồng ý trả số tiền đã đóng là 9.450.000 đồng; khấu trừ số tiền hụi chết 36.000.000 đồng; còn lại bao nhiêu bà đồng ý trả cho bà Đ. Bà rút yêu cầu phản tố yêu cầu bà Đ trả số tiền 3.370.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 357, Điều 468 Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 18, 21, 22, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với bà Nguyễn Thị Hồng G.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng G có nghĩa vụ trả bà Đ số tiền hụi theo quy định pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng G về việc yêu cầu bà Phạm Thị Đ trả số tiền nợ hụi 3.370.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Bà G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại địa chỉ: ấp L, xã L1, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa bà G rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với số tiền số tiền 3.370.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bà G.

[2] Tại tòa bà Đ vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà G trả số tiền hội 7.000.000 đồng. Thấy rằng:

[2.1] Bà Đ và bà G đều xác nhận: bà Đ tham gia 02 dây hội do bà G làm chủ hội. Cụ thể: hội 2.000.000 đồng khai ngày 10/9/2024, gồm 18 phần. Bà tham gia 01 phần, hội này bà đóng được 15 kỳ hội sống và hội 1.000.000 đồng, khai ngày 25/5/2025 DL, tháng khai 02 lần vào ngày 25 và 10 tây; bà Đ tham gia 04 phần; bà Đ hốt 03 phần, còn 01 phần hội sống đóng được 13 kỳ. Hiện bà Đ còn nợ bà G 12 kỳ hội chết là 36.000.000 đồng. Sau khi ngưng hội, bà Đ yêu cầu bà G phải trả số tiền bà Đ đã đóng theo giá hội chết 15 kỳ x 2.000.000 đồng = 30.000.000 đồng và 13 kỳ x 1.000.000 đồng = 13.000.000 đồng; khấu trừ 36.000.000 đồng, còn 7.000.000 đồng. Ngược lại bà G chỉ đồng ý trả lại cho bà Đ theo giá hội đã đóng (hội sống).

[2.2] Bà G cho rằng, bà Đ thường xuyên đóng hội trễ nên yêu cầu ngưng hội trước hạn nhưng không đưa được chứng cứ cho lời trình bày của bà. Do đó, việc yêu cầu ngưng hội trước hạn là lỗi của bà G. Nên bà G có trách nhiệm trả lại tiền số tiền hội cho bà Đ như sau:

Đối với dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 10/9/2024, gồm 18 phần. Bà tham gia 01 phần, hội này bà Đ đóng được 15 kỳ hội sống. Sau khi ngưng hội, bà G tiếp tục đóng tiếp 02 kỳ hội và hốt được số tiền 33.000.000 đồng (đã trừ cò 1.000.000 đồng). Do đó, số tiền lãi hội bà G hưởng, tại tòa bà G đồng ý trả lại cho bà Đ 29.000.000 đồng, yêu cầu trừ cò 1.000.000 đồng. Nên bà Đ yêu cầu bà G trả lại số tiền hội 30.000.000 đồng đối với dây hội này là có cơ sở chấp nhận.

Đối với dây hội 1.000.000 đồng, khai ngày 25/5/2025 DL, tháng khai 02 lần vào ngày 25 và 10 tây; bà Đ tham gia 04 phần; bà Đ hốt 03 phần, còn 01 phần hội sống đóng được 13 kỳ. Sau khi ngưng hội, bà G đã bán lại phần hội này cho người khác. Do bà G không có hưởng tiền lãi hội trên số tiền 13 kỳ hội sống mà bà Đ đã đóng. Việc ngưng hội trước hạn là lỗi của bà G nên bà G phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền thực đóng của bà Đ trong 13 kỳ là 9.450.000 đồng được tính từ tháng 25/5/2025 đến 25/11/2025 là 257.712 đồng.

Vậy bà G có nghĩa vụ trả lại bà Đ số tiền như sau: (30.000.000 đồng + 9.450.000 đồng + 257.712 đồng) – 36.000.000 đồng = 3.707.712 đồng (Làm tròn thành 3.707.000 đồng).

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ và phù hợp với nhân đình trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 12, 14, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Đ, bà G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 18, 21, 22, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ “Tranh chấp hợp đồng góp hui” với bà Nguyễn Thị Hồng G.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng G có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền 3.707.000 đồng đồng (Ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng G về việc yêu cầu bà Phạm Thị Đ trả số tiền 3.370.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị Đ.

Bà Nguyễn Thị Hồng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007539 ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 -Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm